



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG

ngày tháng 09 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Quản lý Chất lượng
Laboratory:	Quality Management Department
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Công ty TNHH Phát triển Cao su Bà Rịa Kampong Thom
Organization:	Baria Kampong Thom Aphivath Caoutchouc Co., Ltd
Số hiệu/ Code:	VILAS 1457
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Hóa, Cơ
Field:	Mechanical, Chemical
Người quản lý:	Trần Hoàng Hiệp
Laboratory manager:	Tran Hoang Hiep
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày / 09 / 2025 đến ngày 19 / 09 / 2030
Địa chỉ:	Xã Kraya, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia
Address:	Kraya commune, Santuk district, Kampong Thom province, Kingdom of Cambodia
Địa điểm:	Xã Kraya, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia
Location:	Kraya commune, Santuk district, Kampong Thom province, Kingdom of Cambodia
Điện thoại/ Tel:	00855.976233480
Email:	phongqlclbrk2022@gmail.com
Website:	https://brkbaruco.com/

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1457****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ***Field of testing: Chemical, Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Cao su thiên nhiên thô <i>Raw natural rubber</i>	Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0,026~0,066) % m/m	TCVN 6089:2016 (ISO 249:2016)
2.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A <i>Determination of ash content. Method A</i>	(0,26~0,43) % m/m	TCVN 6087:2010 (ISO 247:2006)
3.		Xác định hàm lượng chất bay hơi Phương pháp tủ sấy (Quy trình A) <i>Determination of volatile-matter content. Oven method (Process A)</i>	(0,26~0,33) % m/m	TCVN 6088-1:2014 (ISO 248-1:2011)
4.		Xác định hàm lượng Nitơ Phương pháp bán vi lượng <i>Determination of nitrogen content. Semi-micro method</i>	(0,25~0,32) % m/m	TCVN 6091:2016 (ISO 1656:2014)
5.		Xác định độ dẻo Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh <i>Determination of plasticity Rapid plastometer method</i>	(35,6~45,8) đơn vị/ unit	TCVN 8493:2010 (ISO 2007:2007)
6.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) <i>Determination of plasticity retention index (PRI)</i>	(74,1~83,3) % Wallace	TCVN 8494:2020 (ISO 2930:2017)
7.		Xác định độ nhớt Mooney. Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt <i>Determination of Mooney viscosity. Shearing-disc viscometer method</i>	(73,3~84,2) đơn vị/ unit	TCVN 6090-1:2015 (ISO 289-1:2015)

Chú thích/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia / Vietnam National standard
- ISO: International Organization for Standardization
- Trường hợp Công ty TNHH Phát triển Cao su Bà Rịa Kampong Thom cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Phát triển Cao su Bà Rịa Kampong Thom phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Baria Kampong Thom Aphivath Caoutchouc Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

